



WULING GRANGO

MPV 7 CHỖ GIÁ **499 TRIỆU**
CỔ MÁY SINH LỜI

THÔNG SỐ NỔI BẬT

- Chiều dài cơ sở: **2.850mm**
- **07 chỗ**, hàng ghế 2-2-3
- **Hàng ghế 2 độc lập**, có tựa tay
- Thể tích khoang hành lý: **3.300L**
- Quãng đường di chuyển: **300km**
- Công suất tối đa: **75kW/ 101 hp**
- Mô-men xoắn cực đại **180Nm**
- Dung lượng pin **32,6 kWh**
- Thời gian sạc **DC: 30 phút (30-80%)**
- Thời gian sạc **AC: 5 giờ (20-100%)**
- Camera lùi, Phanh ABS/EBD, Đèn pha LED
- Tốc độ tối đa: 135km/h

03 MÀU NGOẠI THẤT



Đen Carbon



Xám Steel



Trắng Diamond



1.725 mm



4.515 mm



1.790 mm

Trục cơ sở
2.850mm
Ngoài gọn trong rộng



Khoang hành lý
3.300L
Dẫn đầu phân khúc



Hàng ghế
2-2-3
Thoải mái tối đa



Đèn pha
LED
Sáng hơn, rõ hơn



Nội thất
TINH GỌN
Thực dụng tối đa



Cửa gió
ĐIỀU HÒA
Hàng ghế trước & sau



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

LOẠI XE	HẠNG MỤC	WULING GRANGO EV 300KM (7 chỗ)
Kích thước và tải trọng	Chiều dài cơ sở (mm)	2.850
	Dài x Rộng x Cao (mm)	4.515 × 1.725 × 1.790
	Lốp xe	185/70 R14
	Trọng lượng không tải	1.276 Kg
	Trọng lượng toàn tải	1.850 Kg
Ngoại thất		
Hệ thống đèn	Đèn pha	LED tích hợp chiếu xa/gần, có điều chỉnh độ cao chùm sáng
	Đèn hậu	Halogen
	Đèn phanh trên cao	LED
	Đèn sương mù sau	Tích hợp trong cụm đèn sau bên trái
	Đèn lùi	Tích hợp trong cụm đèn sau bên phải
	Đèn biển số	Có sẵn
Ngoại thất khác	Gương chiếu hậu ngoài	Chỉnh cơ
	Kính cửa sổ chỉnh điện	Cửa trước & giữa chỉnh điện; kính bên ghế lái hạ một chạm
	Chìa khóa	1 chìa điều khiển từ xa + 1 chìa cơ dự phòng
	Màu ngoại thất	Đen Carbon/Xám Steel/Trắng Diamond
Nội thất		
Ghế và không gian	Cấu trúc ghế	7 chỗ (2+2+3)
	Chất liệu bọc ghế	Ni (vải)
	Ghế người lái/Ghế phụ trước	Chỉnh cơ, trượt trước/sau & ngả lưng
	Ghế hàng giữa	2 ghế độc lập, có tay vịn trong, ngả lưng & trượt được
	Ghế hàng sau	Bộ 3 ghế liền, gập & lật linh hoạt, góc tựa cố định
	Màu nội thất	Đơn sắc
Tính năng và tiện nghi	Hệ thống cố định ghế an toàn cho trẻ em (ISOFIX)	Có sẵn (hàng ghế 2)
	Hệ thống điều hòa	Điều hòa chỉnh cơ, dàn lạnh trước + dàn lạnh trần, có sưởi
	Cụm đồng hồ sau vô lăng	Màn hình 3.5" dạng kim
	Màn hình trung tâm	Màn hình cảm ứng 8", camera lùi
	Hệ thống giải trí	USB, Radio, Bluetooth, 2 loa
Vận hành và an toàn		Trên bảng điều khiển phụ
Động cơ	Loại động cơ	Thuận điện (BEV)
	Công suất tối đa	75 kW/ Mô men xoắn cực đại 180 Nm
	Loại dẫn động	Cầu sau
	Chuyển số	Núm xoay điện tử
PIN / Sạc	Loại PIN	Lithium
	Dung lượng PIN (kWh)	32.6
	Quãng đường di chuyển một lần sạc (km)	≈ 300
	Cổng sạc	Tiêu chuẩn Châu Âu CCS2
	Bộ sạc theo xe (AC / OBC)	1,76 kW
	Công suất sạc tối đa	AC 6,6 kW/ DC 50 kW
Hệ thống lái và khung gầm	Trợ lực lái	Trợ lực lái điện (EPS)
	Hệ thống treo trước	Độc lập McPherson
	Hệ thống treo sau	Nhíp lá
	Hệ thống phanh (trước/sau)	Đĩa / Tang trống
	Túi khí	1 (ghế lái)
An toàn	Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)	Có sẵn
	Phân phối lực phanh điện tử (EBD)	Có sẵn
	Camera	Camera lùi
	Giám sát áp suất lốp (TPMS)	Có sẵn (gián tiếp)
	Dây đai an toàn	Có sẵn
	Khóa cửa tự động khi xe chạy	Có sẵn
	Mở khóa tự động khi va chạm	Có sẵn
	Khóa bảo vệ trẻ em cửa sau	Có sẵn
	Hệ thống chống trộm điện tử	Có sẵn (điều khiển từ xa)
	Cảnh báo người đi bộ	Có sẵn
	Dụng cụ hỗ trợ khác	Bơm điện, móc kéo, tam giác cảnh báo, áo phản quang

Lưu ý:

Các thông tin sản phẩm có thể thay đổi mà không cần báo trước.
Hiệu suất hoạt động của xe và quãng đường di chuyển một lần sạc có thể thay đổi,
tùy thuộc vào các yếu tố bên ngoài như tốc độ, điều kiện thời tiết & điều kiện đường sá.

Website



Fanpage



Tiktok



Youtube

